

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2017/DS-ST

Ngày: 11-8-2017

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông K'Tìm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Phúc.

2. Bà Lê Thị Chung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Bá Cường Huy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Di Linh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Di Linh: Bà My La - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11/8/2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Di Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2016/TLDS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2016 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2017/QĐXX-DS ngày 08/6/2017 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị Thanh T; sinh năm 1952.

Địa chỉ: Số 144, thôn 8, xã GH, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

2/ Bị đơn: Bà Vũ Thị Thanh H; sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số 42 Thôn TP 2, xã ĐL, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

3/ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Vũ Văn T. Sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số 42 Thôn TP 2, xã ĐL, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng. Bà Trần Thị T, đại diện theo ủy quyền cho ông T theo văn bản ủy quyền lập ngày 17/4/2017. Bà T có mặt.

3.2. Bà Nguyễn Thị T; sinh năm 1953.

Địa chỉ: Số 52/20, Khu phố 4, Phường HN, Tp Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai và tại phiên tòa Bà Trịnh Thị Thanh T trình bày :

Do chị H cần tiền làm ăn, ngày 15/10/2012 bà có cho chị H vay số tiền 20.000.000đ. Tiếp theo đó ngày 20/01/2013 bà tiếp tục cho chị H vay số tiền 50.000.000đ. Tổng số tiền của hai lần vay là 70.000.000đ. Trong hai lần vay tiền này thì chị H có tự tay viết giấy mượn tiền và ký tên xác nhận. Theo nội dung hai giấy này thì các bên có thỏa thuận lãi suất 40.000đ/1.000.000đ/01 tháng. Tuy nhiên từ khi vay tiền thì bà đã nhiều lần yêu cầu nhưng chị H vẫn không trả. Hàng tháng bà đều đến nhà đòi tiền nhưng chị H cứ hứa dần nhưng không trả. Khi vay tiền thì chị H có đưa cho bà T giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ) số BL933455 mang tên của Bà Nguyễn Thị T để làm tin, hiện nay bà T đã bỏ đi khỏi địa phương, địa chỉ cụ thể bà không biết. Cũng theo bà T thì bà biết rõ diện tích đất này là của bà T chuyển nhượng lại cho ông Vũ Văn T nhưng các bên chưa hoàn tất thủ tục sang tên.

Nay tại phiên tòa, bà T yêu cầu chị H trả 70.000.000đ tiền gốc và khoản lãi theo mức 1,66%/tháng, thời gian tính lãi từ 20/01/2013 đến ngày 08/6/2017 làm tròn là 51 tháng thành tiền 59.262.000đ. Tổng gốc và lãi 70.000.000đ + 59.262.000đ. = 129.262.000đ.

Tòa án có yêu cầu bà T giao nộp lại 01 giấy chứng nhận QSDĐ số BL933455 mang tên của Bà Nguyễn Thị T. Tuy nhiên bà không đồng ý, chỉ khi nào bà H trả hết tiền nợ cho bà T thì bà mới trả lại sổ đỏ nói trên cho ông T. Bà T xác nhận hiện nay đang giữ bản chính của giấy chứng nhận QSDĐ số BL933455 mang tên của Bà Nguyễn Thị T.

Tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu là giấy mượn tiền có chữ ký của chị H.

Bị đơn chị H trình bày : Đúng là ngày 15/10/2012 chị có vay của Bà Trịnh Thị Thanh T số tiền 20.000.000đ khi vay tiền có tự tay viết giấy mượn tiền theo nội dung giấy này thì các bên thỏa thuận lãi xuất 70.000đ/1.000.000đ/01 tháng. Đến ngày 20/01/2013 chị H tiếp tục vay của bà T số tiền 50.000.000đ, trong lần vay này các bên thỏa thuận lãi xuất là 40.000đ/01triệu/01tháng. Đồng thời lúc này chị H có giao cho bà T giữ 01 giấy chứng nhận QSDĐ số BL933455 mang tên của Bà Nguyễn Thị T để làm tin, hiện nay bà T đã bỏ đi khỏi địa phương, địa chỉ cụ thể thì chị H không biết. Chị H xác định nguồn gốc đất này là của ông T nhận chuyển nhượng lại của bà T nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Khi chị H mang giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất này giao cho bà T thì ông T không biết.

Sau hai lần vay tiền thì chị H có vài lần trả tiền lãi cho bà T, tuy nhiên số tiền lãi đã trả bao nhiêu thì chị H không nhớ vì khi trả lãi cũng không làm giấy tờ gì cả, do đó chị H không yêu cầu Tòa án xem xét về số tiền chị đã trả lãi cho bà T.

Hiện nay bà T yêu cầu trả 70.000.000đ tiền gốc và tiền lãi của số tiền 59.262.000đ. Tổng gốc và lãi 70.000.000đ + 59.262.000đ. = 129.262.000đ thì chị H cũng đồng ý thanh toán. Đối với giấy chứng nhận QSDĐ số BL933455 mà bà T đang giữ, chị H yêu cầu trả lại cho ông T. Chị H xác định chữ viết và chữ ký xác nhận trong hai tài liệu mà bà T nộp cho Tòa án đúng là chữ viết, chữ ký của chị.

Đại diện cho ông T người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Bà T trình bày : Theo biên bản ghi lời khai ngày 28/8/2016, bà có khai diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số BL933455 mang tên Bà Nguyễn Thị T là của bà nhận chuyển nhượng của bà T nhưng chưa làm thủ tục sang tên là không đúng. Nay bà T xác định lại, ông T mới là người nhận chuyển nhượng diện tích đất này của bà T vào khoản năm 2010 nhưng chưa làm thủ tục sang tên theo quy định. Khi nhận chuyển nhượng thì ông T và bà T có làm giấy mua bán viết tay.

Bà T xác định khi chị H giao giấy Chứng nhận QSDĐ cho bà T để vay tiền thì ông T không biết việc này. Do đó việc vay mượn thế nào là việc của chị H và bà T, không liên quan đến ông T. Nay yêu cầu bà T trả lại cho ông T giấy chứng nhận QSDĐ số BL933455 mang tên Bà Nguyễn Thị T.

Tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu : Giấy mua bán viết tay.

Tại bản tự khai và biên bản ghi lời khai ngày 17/7/2017 bà T trình bày : Đúng là ngày 18/3/2010 bà có bán diện tích đất 981m² tại thửa đất số 413; bản đồ số 32D xã Đình Lạc, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng cho ông Vũ Văn T với giá tiền là 70.000.000đ. Khi chuyển nhượng thì diện tích đất này chưa được cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất. Đến năm 2012, sau khi được cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất thì bà T có giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên cho ông Vũ Văn T quản lý. Bà T xác định có tự tay viết giấy sang nhượng ngày 18/3/2010, chữ viết chữ ký trong giấy sang nhượng ngày 18/3/2010 đúng là của bà và thực tế bà đã nhận tiền, giao đất và giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông T quản lý. Bà T cho rằng việc mua bán chuyển nhượng giữa bà và ông T đã hoàn tất, bà không có ý kiến gì về việc chuyển nhượng này. Đối với việc kiện giữa bà H và bà T, thì bà không có ý kiến gì. Bà đề nghị trả sổ đỏ nói trên lại cho ông T.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Di Linh phát biểu ý kiến :

Về tố tụng : Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại cấp sơ thẩm.

Về nội dung vụ án : Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 70.000.000đ nợ gốc và lãi suất theo quy định. Buộc nguyên đơn, Bà Trịnh Thị Thanh T trả lại cho ông Vũ Văn T giấy chứng nhận QSDĐ số BL933455 mang tên Bà Nguyễn Thị T.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Căn cứ các Điều 26, 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và Tòa án Di Linh có thẩm quyền giải quyết là phù hợp.

Sau khi cho vay tiền thì bà T thường xuyên đến nhà chị H đòi tiền nhưng chị H cứ hứa dần nhưng không thanh toán. Căn cứ Điều 157 của Bộ luật dân sự năm 2015, thì xem như các bên đã tự xác lập lại thời hiệu khởi kiện, do đó việc bà T khởi kiện là còn trong thời hiệu.

Về nội dung vụ án : Qua lời trình bày của bà T và chị H cũng đã thừa nhận, ngày 15/10/2012 chị có vay của bà T 20.000.000đ; ngày 20/01/2013 tiếp tục vay của bà T số tiền 50.000.000đ. Tuy nhiên sau khi vay tiền chị H có vài lần trả lãi, chưa trả nợ gốc. Căn cứ vào lời khai nhận của các bên, giấy mượn tiền ghi ngày 15/10/2012 và ngày 20/01/2013 Tòa án cần công nhận tình tiết này là có thật. Áp dụng Điều 474 của bộ luật Dân sự năm 2005, buộc chị H trả lại cho bà T số nợ gốc đã vay là phù hợp. Bên cạnh đó việc chị H không yêu cầu tính toán cản trừ đối với khoản tiền lãi đã trả cho bà T là hoàn toàn tự nguyện nên Tòa án không xem xét là phù hợp.

Ngoài yêu cầu trả tiền nợ gốc thì bà T còn yêu cầu chị H trả lãi theo mức 1,66%/tháng, thời gian tính lãi từ 20/01/2013 đến ngày 08/6/2017 làm tròn là 51 tháng thành tiền 59.262.000đ. Căn cứ khoản khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì mức lãi suất bà T yêu cầu không vượt quá lãi suất giới hạn theo quy định của pháp luật nên cần chấp nhận là phù hợp.

Đối với yêu cầu trả lại giấy chứng nhận QSDĐ số BL933455 mang tên Bà Nguyễn Thị T của ông T, căn cứ lời trình bày của các đương sự và giấy sang nhượng đất ghi ngày 18/3/2010 cần xác định việc ông T nhận chuyển nhượng diện tích đất 981m² đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số BL933455 mang tên Bà Nguyễn Thị T, nhưng chưa làm thủ tục chuyển nhượng theo quy định là có thật. Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 30/5/2017 thì ông T đang là người quản lý, canh tác toàn bộ diện tích đất nói trên, không có tranh chấp với ai. Việc chị H giao giấy chứng nhận QSDĐ số BL933455 cho bà T để vay tiền thì ông T không biết. Hiện nay bà T cũng đồng ý giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên cho ông T. Với những phân tích nêu trên, cần buộc bà T giao lại cho ông T giấy chứng nhận QSDĐ số BL933455 là phù hợp.

Về án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ Pháp lệnh về lệ phí án phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bà T chỉ phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm 300.000đ cho yêu cầu trả lại giấy chứng nhận QSDĐ của ông T. Cần buộc chị H phải chịu án phí trên tổng số tiền gốc và lãi phải trả cho bà Nguyễn là phù hợp. Trả lại cho ông T số tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, ông T tự nguyện chịu không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26 ; 35 và 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 471 và 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Pháp lệnh về lệ phí án phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Trịnh Thị Thanh T. Buộc chị Vũ Thị Thanh Huyền phải trả cho Bà Trịnh Thị Thanh T số tiền nợ gốc là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) và khoản tiền lãi phát sinh 59.262.000đ (Năm mươi chín triệu hai trăm sáu mươi hai ngàn đồng). Tổng số tiền gốc và lãi phải trả là 129.262.000đ (Một trăm hai mươi chín triệu hai trăm sáu mươi hai ngàn đồng).

2. Buộc Bà Trịnh Thị Thanh T trả lại cho ông Vũ Văn T một giấy chứng nhận QSDĐ số BL933455 do Ủy ban nhân dân huyện Di Linh cấp ngày 27/9/2012.

3. Về án phí: Bà Trịnh Thị Thanh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền bà T đã tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0004124 ngày 02/11/2016 của chi cục thi hành án dân sự huyện Di Linh. Trả lại cho bà T số tiền thừa sau khi trừ án phí.

Chị Vũ Thị Thanh Huyền phải chịu 6.463.000đ (Sáu triệu bốn trăm sáu mươi ba ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Vũ Văn T số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0004124 ngày 02/11/2016 của chi cục thi hành án dân sự huyện Di Linh.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai tại UBND xã phường, thị trấn nơi đương sự cư trú.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Trong trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LĐ;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

K'Tìm